

PHẦN THỨ NHẤT

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016:

1. Tình hình chung trong sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2016:

* Thuận lợi:

- Nền kinh tế trong nước có nhiều thuận lợi: kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát ở mức thấp, lãi suất vay giảm; Các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông được triển khai mới; Thị trường bất động sản khởi sắc: nhiều dự án mới được triển khai.

- Công ty VIMECO đã vượt qua khó khăn: nguồn công việc đã đảm bảo cho năm 2016 và các năm tiếp theo, tình hình tài chính của Công ty ổn định, uy tín và thương hiệu VIMECO ngày càng nâng cao.

- Dự án CT4 triển khai đúng tiến độ đã tạo ra bước đột phá về dòng tiền và tình hình tài chính trong năm 2016 và các năm tiếp theo.

* Khó khăn:

- Công tác đấu thầu, tìm kiếm việc làm có sự cạnh tranh khốc liệt với nhiều đối thủ mạnh trên thị trường, giá trúng thầu thấp.

- Công tác thanh quyết toán, thu hồi vốn đã triển khai quyết liệt góp phần ổn định tình hình tài chính của Công ty. Tuy nhiên công tác thu hồi vốn tại các dự án đã thi công xong: Bắc An Khánh, Láng Hòa lạc, Sao Ánh Dương... Chủ đầu tư chưa thu xếp được nguồn vốn thanh toán đã ảnh hưởng đến dòng tiền, chi phí tài chính, lợi nhuận của Công ty.

2. Những chỉ tiêu SXKD chính đạt được:

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % TH/KH
1	Giá trị tổng SXKD	Tỷ đồng	1.408,000	1.700,006	120,74
2	Doanh thu	Tỷ đồng	1.050,000	1.426,377	135,85
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	32,000	35,752	111,73
4	Cổ tức	%	15,0	15,0	100,00
5	Tổng tiền thu về từ SXKD	Tỷ đồng	1.878,450	2.071,200	110,26
6	Nợ phải thu cuối kỳ	Tỷ đồng	380,000	596,505	156,97
7	Khấu hao tài sản cố định	Tỷ đồng	34,000	25,043	73,66
8	Đầu tư thiết bị	Tỷ đồng	118,411	88,023	74,34
9	Thu nhập bình quân đầu người	Tr.đồng/người	8,5	9,5	111,76
10	Tỷ trọng tiền lương/Doanh thu	%	14,0	13,2	94,29

3. Đánh giá chung về hoạt động của Công ty:

Năm 2016, với sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của Hội đồng quản trị, sự quyết tâm của Ban Tổng giám đốc và sự đoàn kết của tập thể người lao động, Công ty VIMECO đã nỗ lực hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế được Đại hội đồng cổ đông thông qua:

- Tổng giá trị sản xuất kinh doanh đạt: **1.700,00 tỷ đồng/1.408,00 tỷ đồng**, đạt **120,74%** kế hoạch năm 2016.
- Doanh thu đạt: **1.426,38 tỷ đồng/1.050,00 tỷ đồng**, đạt **135,85%** kế hoạch năm 2016.
- Lợi nhuận trước thuế đạt: **35,75 tỷ đồng/32,00 tỷ đồng**, đạt **111,73%** kế hoạch năm 2016.
- Tình hình tài chính năm 2016 của Công ty đã ổn định và từng bước lành mạnh. Công tác quản trị doanh nghiệp được đặc biệt quan tâm nên đã kiểm soát tốt giá thành, công nợ, chi phí tài chính...

II. ĐÁNH GIÁ MỘT SỐ CÔNG TÁC CHÍNH:

1. Về hoạt động xây lắp:

- Hoạt động xây lắp trong năm 2016 đạt được:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016	Tỷ lệ % so KH 2016
1	Sản lượng xây lắp	Tỷ đồng	550,000	795,245	144,59
2	Doanh thu xây lắp	Tỷ đồng	504,000	772,037	153,18
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	15,200	16,552	108,89
4	Dòng tiền thu về	Tỷ đồng	568,550	666,713	117,27

- Các công trình Công ty tham gia thi công đã tạo dựng được uy tín tốt với chủ đầu tư nên được giao thêm công việc, đóng góp lớn vào doanh thu (tỷ lệ 28%).

- Trong năm Công ty được Tổng giao và tự tìm kiếm ký mới các hợp đồng xây lắp với tổng giá trị hợp đồng: **604,35 tỷ đồng**, bao gồm các dự án: Thi công hạ tầng Khu công nghệ cao Láng Hòa Lạc, CT3- Nam Thăng Long, Samsung Thái Nguyên, Samsung Bắc Ninh, CT1- Ciputra ...

Trong đó:

- Dự án tìm kiếm bên ngoài : **400,22 tỷ đồng**.

- Dự án nội bộ Tổng công ty VINACONEX : **204,13 tỷ đồng**.

- Phần doanh thu xây lắp từ các công trình do Tổng công ty VINACONEX giao đóng vai trò quan trọng: đạt: **372 tỷ đồng** chiếm tỷ lệ 48% doanh thu xây lắp của Công ty.

Công tác tổ chức thi công:

- Thường xuyên quản lý, kiểm tra, giám sát trong quá trình thi công; chủng loại, giá vật tư, vật liệu được kiểm tra chặt chẽ về hồ sơ, chất lượng trước khi đưa vào công trình thi công.
- Thi công đảm bảo tiến độ cam kết, nâng cao việc kiểm tra, giám sát chất lượng công trình, được Chủ đầu tư đánh giá cao. Thương hiệu, uy tín Công ty ngày càng được khẳng định, đặc biệt là các dự án hạ tầng Công ty làm thầu phụ cho các nhà thầu nước ngoài.

Công tác thanh, quyết toán:

- Quyết liệt công tác nghiệm thu, lập hồ sơ thanh, quyết toán; Chủ động kịp thời giải quyết các vướng mắc; Bám sát nguồn vốn của Chủ đầu tư để có kế hoạch thanh toán kịp thời.
- Công tác lập kế hoạch thu hồi vốn đã từng bước sát với kế hoạch thi công đề ra góp phần chủ động được công tác tài chính.

Công tác đấu thầu, tìm kiếm việc làm mới:

- Tham gia đấu thầu, chào giá thành công nhiều gói thầu. Giá trị các dự án ký hợp đồng năm

2016 đạt: **400,22** tỷ đồng đảm bảo việc làm cho năm 2016 và các năm tiếp theo (có chi tiết kèm theo).

Các dự án đã ký hợp đồng đầu năm 2017: Hạ tầng Khu đô thị Ecopark, Sam sung Bắc Ninh, Dương Đình Nghệ.

- Cử cán bộ chuyên trách trực tiếp tới hiện trường khảo sát kỹ mặt bằng, hiện trạng thực tế từng gói thầu, giá vật tư vật liệu đầu vào, nhân công của từng khu vực để làm cơ sở xây dựng giá chào thầu, biện pháp thi công phù hợp nhất với năng lực sẵn có của Công ty.

2. Về sản xuất vật liệu xây dựng:

Các chỉ tiêu chủ yếu đã đạt được:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016	Tỷ lệ % so với KH 2016
1	Sản lượng VLXD	Tỷ đồng	526,000	600,710	114,20
2	Doanh thu VLXD	Tỷ đồng	514,000	617,724	120,18
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	11,800	13,700	116,10
4	Dòng tiền thu về	Tỷ đồng	532,000	539,320	101,38

Hoạt động sản xuất VLXD trong năm 2016 trong bối cảnh: thị trường bê tông thương phẩm, đá xây dựng trên địa bàn Hà Nội có rất nhiều đơn vị cùng tham gia cung cấp nên cạnh tranh giữa các đơn vị cung cấp rất khốc liệt. Tuy nhiên với sự nỗ lực của Ban điều hành, sự quyết tâm của các bộ phận sản xuất, kết quả hoạt động SXKD của khối VLXD:

- Bê tông thương phẩm đạt: **492.000 m³**, giá trị sản lượng đạt: **608,6 tỷ đồng**. Trong đó: cấp nội bộ: **32.000 m³**; cung cấp cho thị trường: **460.000 m³** với doanh thu: **589,4 tỷ đồng**.

Sản xuất đá xây dựng đạt: **395.000 m³**, giá trị sản lượng đạt: **57.50 tỷ đồng**. Trong đó: cấp nội bộ: **155.00 m³**; cung cấp cho thị trường: **240.00 m³** với doanh thu: **28,32 tỷ đồng**.

Tiền thu về từ hoạt động sản xuất VLXD đạt: **539,32 tỷ đồng/532 tỷ đồng** kế hoạch.

* Đối với bê tông thương phẩm:

- Tổ chức tốt sản xuất tại các dự án có vốn đầu tư nước ngoài như: Nhiệt điện Thái Bình, Nhiệt điện Vĩnh Tân, Lọc hóa dầu Nghi Sơn.

- Bê tông thương phẩm tại Hà Nội, Công ty xác định không theo đuổi mục tiêu sản lượng, Công ty lựa chọn các khách hàng có nguồn vốn thanh toán rõ ràng, tiến độ thanh toán tốt và tập trung thu hồi công nợ.

- Đặt uy tín về chất lượng, tiến độ cung cấp bê tông lên hàng đầu; Xây dựng cấp phối, đơn giá phù hợp với thị trường, đảm bảo tính cạnh tranh.

* Đối với khai thác và sản xuất đá xây dựng:

- Mỏ đá Phú mãn: Năm 2016 tập trung cung cấp cho các Trạm bê tông trong nội bộ Công ty (chiếm 38% sản lượng), giảm khối lượng bán ngoài. Chủ trương bán hàng tại mỏ thay cho bán sản phẩm tại chân công trình, dự án nên tránh được rủi ro và chi phí vận chuyển, do đó vẫn đảm bảo lợi nhuận kỳ vọng trên 1 m³ sản phẩm.

- Mỏ đá Hà Nam: Đã thành lập Doanh nghiệp theo quy định của tỉnh Hà nam đồng thời tiến hành các thủ tục bán đấu giá phần vốn góp (kết quả đấu giá và thu tiền trong quý I/2017).

3. Về công tác kinh doanh bất động sản:

Dự án ĐTXD công trình hỗn hợp nhà ở, văn phòng và DV thương mại (CT4):

*** Thủ tục pháp lý:**

- Tiến hành tổ chức đấu thầu các hạng mục theo đúng kế hoạch Hội đồng quản trị đề ra. Đã ký kết hợp đồng 36/39 gói thầu.

*** Thi công:**

- Đang triển khai các hợp đồng hoàn thiện căn hộ, tiến độ thi công đang bám sát tiến độ kế hoạch đề ra.

- Tổng sản lượng năm 2016 đạt 310 tỷ. Lũy kế Giá trị đầu tư đạt: 530 tỷ đồng.

*** Bán hàng:**

- Công ty đã hoàn tất việc ký hợp đồng của các căn hộ, diện tích văn phòng, thương mại.

- Tiến hành thu tiền đợt 4 các căn hộ (đến 70%). Số tiền thu được của dự án: **813,643** tỷ đồng

Dự án Khu đô thị Cao Xanh - Hà Khánh:

- Thống nhất với cơ quan định giá để xác định chính xác giá trị Công ty VIMECO đã đầu tư (đầu môi là Sở tài chính).

- Làm việc với các cơ quan chức năng tỉnh Quảng Ninh để xác định phương án bồi hoàn.

1. Về công tác kinh doanh dịch vụ:

Trường mầm non VIMECO:

- Số học sinh duy trì ổn định: **303** cháu, số lớp: **10** lớp.

- Doanh thu thực hiện: **9,825** tỷ đồng. Lợi nhuận gộp: **1,004** tỷ đồng.

- Công tác quản lý, chăm sóc, giảng dạy ổn định, nền nếp. Uy tín ngày càng nâng cao.

Dịch vụ quản lý chung cư, văn phòng:

- Toàn bộ các diện tích văn phòng cho thuê đã được lấp kín, giá thuê hiện nay đã đi vào ổn định, khách thuê lâu dài.

- Đảm bảo chất lượng dịch vụ cho các văn phòng và hộ dân ổn định, được Ban quản trị và Tổ dân phố đánh giá cao.

- Doanh thu từ kinh doanh dịch vụ, mầm non và các hoạt động khác đạt: **36,616** tỷ đồng/**32,0** tỷ đồng đạt **114,43%** kế hoạch năm 2016.

2. Về công tác tài chính- kế toán:

- Chủ động đáp ứng đầy đủ, kịp thời nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh với chi phí thấp; Kiểm soát trả nợ, tận dụng các khoản vay có lãi suất thấp theo các chương trình ưu đãi của các ngân hàng, mức lãi suất bình quân các khoản vay của Công ty khoảng 6,0%-6,2%/năm lãi suất vay vốn ngắn hạn, lãi suất vay vốn dài hạn từ 9.0%-9,5%/năm.

- Tình hình tài chính Công ty ổn định và từng bước lành mạnh. Tỷ lệ Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu được duy trì ở mức độ an toàn. Xếp hạng tín dụng tốt.

- Chủ động kết hợp với các phòng ban, trạm, công trường trong công tác thu hồi nợ, giảm dần các khoản phải thu công nợ bê tông, công nợ xây lắp tại các dự án.

- Công tác lập báo cáo tài chính, Báo cáo quản trị và các báo cáo định kỳ được hoàn thành đúng thời hạn, chất lượng và thực hiện công bố thông tin đúng quy định.

3. Công tác quản lý xe máy, thiết bị:

- Công tác thanh lý năm 2016:

+ Giá trị thanh lý: **4,95 tỷ đồng/4,93 tỷ đồng** kế hoạch (đạt 100 %).

- Công tác đầu tư năm 2016:

+ Giá trị đầu tư: **88,023 tỷ đồng/118,411 tỷ đồng** kế hoạch (đạt 74,34%).

Công tác đầu tư, chưa đạt kế hoạch do:

+ Thủ tục pháp lý phê duyệt dự án còn chậm.

+ Do khối lượng công việc tập trung chưa lớn, trong khi XMTB của Công ty vẫn đủ năng lực để đáp ứng được tiến độ thi công như: Máy lu tĩnh, máy khoan cọc nhồi, xe bơm bê tông...

4. Công tác tổ chức nhân lực:

- Thực hiện công tác luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ đúng quy trình quy định của Công ty.

- Thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời các chế độ Bảo hiểm, ốm đau, thai sản, lễ phép tết, ... cho người lao động.

- Chủ động theo dõi, điều phối lao động kịp thời giữa các đơn vị, bộ phận công trường trong Công ty.

- Tuy nhiên thợ vận hành các ngành nghề chính của Công ty như: máy khoan nhồi, cọc Barrette còn thiếu khi các dự án triển khai đồng loạt.

5. Công tác khác

- Phối hợp cùng Công đoàn, Nữ công và Đoàn thanh niên Công ty tổ chức tốt công tác thi đua lao động, các hoạt động đoàn thể góp phần vào việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh.

- Tổ chức các hoạt động văn hóa- thể thao chào mừng 20 năm ngày thành lập Công ty VIMECO (tháng 3/1997).

- Công tác từ thiện xã hội được quan tâm: Xét và đề nghị trao tặng các gia đình cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn; quỹ trái tim cho em, quỹ ủng hộ đồng bào bị thiên tai lũ lụt và phụng dưỡng, thăm hỏi Mẹ Việt Nam anh hùng.

PHẦN THỨ HAI

KẾ HOẠCH VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

I. MỤC TIÊU:

- Trên cơ sở kết quả SXKD đạt được năm 2016, Công ty xác định mục tiêu năm 2017:
- Phát huy ngành nghề truyền thống: thi công xây lắp hạ tầng, nền móng và sản xuất vật liệu xây dựng (bê tông, đá xây dựng).
- Đẩy mạnh đầu tư thiết bị nhằm thay thế và nâng cao năng lực thi công, đảm bảo tính cạnh tranh trên thị trường.
- Nâng cao năng lực tài chính Công ty, đảm bảo nguồn vốn lưu động cũng như trung hạn đáp ứng các dự án đầu tư với chi phí tài chính thấp nhất.
- Quan tâm, chú trọng đến nguồn nhân lực: tuyển dụng, bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật.

II. CÁC CHỈ TIÊU KINH DOANH CHỦ YẾU: (Chi tiết ở Phụ lục số 1)

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017	Tăng trưởng (%)
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	Tỷ đồng	1.700,000	1.700,000	0,00
2	Doanh thu	Tỷ đồng	1.426,377	2.031,000	42,39
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	35,752	196,000	448,22
4	Khấu hao tài sản cố định	Tỷ đồng	25,043	38,000	51,74
5	Đầu tư thiết bị	Tỷ đồng	88,023	104,600	18,83
6	Thu nhập bình quân tháng	Tr.đồng/người	9,5	10,0	5,26
7	Tỷ lệ cổ tức	%	15,0	40,0	166,67
8	Vốn điều lệ cuối kỳ	Tỷ đồng	100,000	200,000	100,00
9	Tổng số tiền thu về từ SXKD	Tỷ đồng	2.023,818	1.568,630	-22,49
10	Chi phí SXKD dở dang cuối kỳ	Tỷ đồng	779,059	468,000	-39,93
	<i>Trong đó: Kinh doanh BĐS</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>567,375</i>	<i>305,000</i>	<i>-46,24</i>
11	Nợ phải thu cuối kỳ	Tỷ đồng	596,505	370,000	-37,97
12	Dư nợ vay tín dụng cuối kỳ	Tỷ đồng	445,466	420,000	-5,72
	<i>Trong đó: - Vốn lưu động</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>394,443</i>	<i>280,000</i>	<i>-29,01</i>
	<i>- Vốn đầu tư máy móc thiết bị</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>51,023</i>	<i>140,000</i>	<i>174,38</i>
13	Tỷ trọng tiền lương/Doanh thu	%	13,2	14,0	6,06

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

1. Về công tác điều hành:

- Tập trung làm tốt công tác tìm kiếm các dự án nhằm đảm bảo việc làm cho năm 2017, công việc gói đầu 2018 và cho các năm tiếp theo.
- Nâng cao chất lượng công tác quản trị doanh nghiệp, nêu cao tinh thần trách nhiệm người đứng đầu, tập trung giải quyết các công việc dứt điểm, nhanh gọn đúng quy trình.
- Giao chỉ tiêu kế hoạch doanh thu, lợi nhuận cho từng bộ phận sản xuất đồng thời gắn quyền lợi, trách nhiệm cụ thể của bộ máy điều hành ở bộ phận đó với hiệu quả công việc đạt được.
- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đặc biệt đối với Chi huy trưởng, cán bộ thị trường, cán bộ làm công tác thanh quyết toán.
- Trong thi công, quán triệt quan điểm “công tác chuẩn bị luôn đi trước một bước”; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, giám sát tình hình sử dụng tài sản, vật tư, vật liệu, thiết bị của các bộ phận.

2. Về công tác xây lắp: (Phụ lục số 6)

Chỉ tiêu kế hoạch năm 2017:

+ Giá trị sản lượng: **700,0 tỷ đồng**. (Không bao gồm giá trị sản lượng thực hiện tại Dự án chung cư CT4).

+ Doanh thu: **680,0 tỷ đồng**. Lợi nhuận trước thuế: **17,0 tỷ đồng**.

- Tập trung thi công các dự án từ các năm trước chuyển tiếp sang: Lọc hóa dầu Nghi Sơn, Đà Nẵng - Quảng Ngãi, Khu CNC Hòa Lạc (Gói thầu CP1A), Samsung Bắc Ninh, CT1-Ciputra, Khu đô thị Ecopark...

- Đẩy mạnh công tác đấu thầu, tìm kiếm việc làm cho năm 2017 và các năm tiếp theo: bám sát các Dự án do Tổng công ty VINACONEX làm Chủ đầu tư, Tổng thầu; Kết hợp với Ban xây dựng, Trung tâm đấu thầu tham gia chào thầu, đấu thầu các dự án; Tích cực tìm kiếm các công việc bên ngoài Tổng công ty trong lĩnh vực nền móng, hạ tầng. Phấn đấu năm 2017 các hợp đồng ký mới đạt **500-600 tỷ đồng**.

- Đẩy mạnh công tác hoàn thiện hồ sơ, bám sát Chủ đầu tư, Tổng thầu để thanh, quyết toán các dự án đã kết thúc: Láng Hòa Lạc, Nam Trung Yên, Bảo tàng Hà Nội, AD star, Tràng An Complex, Nghi Sơn...

- Quyết liệt trong chỉ đạo công tác quản lý chất lượng, tiến độ, an toàn lao động tại các dự án đang thi công, quản lý chặt chẽ, tiết kiệm chi phí trong sản xuất.

- Xây dựng hệ thống quy trình rõ ràng, thống nhất trong quản lý thi công, hồ sơ thanh quyết toán, quản lý nhân công, vật tư thiết bị. Đề cao tính kỷ luật, cương quyết xử lý, thay những cán bộ, người đứng đầu thiếu ý thức, trách nhiệm trong công việc.

3. Về sản xuất vật liệu xây dựng: (Phụ lục số 4)

Sản xuất bê tông thương phẩm:

Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2017:

+ Sản lượng: **460.000 m³** bê tông tương đương giá trị sản lượng: **503,00 tỷ đồng**. Trong đó cung cấp cho các công trình nội bộ của Công ty: **20.000 m³**.

+ Doanh thu: **483,00 tỷ đồng**. Lợi nhuận trước thuế: **10,7 tỷ đồng**.

+ Nợ phải thu của bê tông thương phẩm: **150,0 tỷ đồng**.

- Đối với thị trường khu vực Hà Nội: Ngoài cụm Trạm bê tông Tây Mỗ, Công ty đã đầu tư mới Trạm trộn bê tông công suất lớn 210m³/h tại An Khánh, Trạm trộn bê tông tại Dự án Ngôi sao An Bình (Phạm Văn Đồng) và Trạm trộn bê tông tại Dự án Nhà ở XH Bộ công an để tăng khả năng cạnh tranh tại Khu vực Hà Nội.

+ Duy trì tốt mối quan hệ với các khách hàng truyền thống có năng lực tài chính, thanh toán theo cam kết: Coteccon, Bouyong, Vinaconex 9, Eresson...

+ Từng bước lựa chọn, mở rộng khách hàng có năng lực tài chính nhằm khai thác năng lực thiết bị đã đầu tư mới tại Khu vực Hà Nội.

- Đối với các Dự án đang triển khai: kiểm soát tốt công tác sản xuất bê tông, nghiệm thu, thanh toán tại các dự án: Nhiệt điện Vĩnh Tân 4, Nhiệt điện Thái Bình 2. Lựa chọn thêm các nhà cung cấp vật tư phù hợp nhằm tránh bị động, ép giá.

- Tích cực tìm kiếm thị trường mới, đặc biệt các dự án lớn sắp triển khai: Nhiệt điện Nghi Sơn, Tuyến ngầm Nhôn - ga Hà Nội, các cầu lớn giao thông...

- Kiểm soát chặt chẽ quy trình sản xuất nhằm tiết kiệm vật liệu, giảm tối đa sản phẩm hỏng, giảm hao hụt bê tông thấp hơn định mức cho phép.

- Tăng cường công tác đối chiếu, thu hồi công nợ đặc biệt công nợ phát sinh từ năm 2015 trở về trước. Đây là nhiệm vụ trọng tâm đối với lĩnh vực bê tông thương phẩm năm 2017.

Sản xuất đá xây dựng:

*** Đối với Mỏ đá Phú Mãn:**

- Kế hoạch năm 2017:

+ Sản lượng: **360.000 m³** tương đương: **57,00 tỷ đồng**. Trong đó cung cấp nội bộ các Trạm bê tông: **100.000 m³**.

- Doanh thu bán ngoài: **35,00 tỷ đồng**. Lợi nhuận trước thuế: **2,80 tỷ đồng**.

- Đảm bảo sản xuất liên tục, đáp ứng đầy đủ kịp thời đá 1x2 cho các Trạm bê tông thương phẩm của Công ty tại Khu vực Hà Nội.

- Duy trì cung cấp đá base, subbase cho dự án hạ tầng khu vực Hà Nội và các tỉnh lân cận, đặc biệt đá chất lượng cao (bê tông nhựa) cho dự án giao thông.

*** Đối với Mỏ đá Hà Nam:**

- Giải quyết dứt điểm các tranh chấp với người dân để Mỏ đá đi vào hoạt động.

- Bàn giao hồ sơ pháp lý, hiện trạng Mỏ đá Hà Nam cho Chủ sở hữu mới.

*** Mỏ đá Phú Minh- Hòa Bình:**

- Đẩy mạnh triển khai các bước đầu tư Dự án khai thác đá xây dựng tại Phú Minh (Kỳ Sơn- Hòa Bình) với diện tích 20ha, trữ lượng 10 triệu m³ đá. Tổng mức đầu tư dự kiến: **75,225 tỷ đồng**.

4. Về công tác kinh doanh bất động sản:

Dự án CT4:

- Tổ chức quản lý, giám sát thi công Dự án CT4 đảm bảo chất lượng và tiến độ bàn giao nhà vào Quý III/2017 theo kế hoạch đề ra.
- Chuẩn bị hồ sơ, quy trình bàn giao căn hộ, văn phòng cho khách hàng cũng như quy trình vận hành tòa nhà.
- Kiểm soát quá trình thanh toán của các hợp đồng mua bán căn hộ, văn phòng.

Dự án Cao Xanh- Hà Khánh:

- Làm việc với các cơ quan chức năng tỉnh Quảng Ninh (đầu mối là Sở tài chính) để xác định chính xác giá trị Công ty VIMECO đã đầu tư tại dự án để làm cơ sở bồi hoàn cũng như xác định phương án bồi hoàn.

Dự án khác:

- Từng bước chuẩn bị hồ sơ pháp lý để chuyển đổi mục đích sử dụng khu đất Cầu Brou và Tây Mỗ.
- Tích cực tìm kiếm thêm đất Dự án bất động sản phù hợp (diện tích, vị trí) với Công ty cho các năm tiếp theo và khu đất công nghiệp (2ha) lắp đặt hệ thống trạm trộn Bê tông lâu dài cung cấp cho thị trường Hà Nội.

5. Về hoạt động kinh doanh dịch vụ:

- Trường mầm non: Duy trì mức quy mô học sinh hiện tại; Nâng cao chất lượng dạy học nhằm củng cố thương hiệu đã có; Đảm bảo mức thu nhập cho đội ngũ giáo viên tạo nên sự gắn bó với Công ty.
- Dịch vụ nhà chung cư: Đảm bảo chất lượng cung cấp dịch vụ cho văn phòng và căn hộ.

6. Về công tác tài chính:

Các chỉ tiêu tài chính cụ thể trong năm 2017:

- Tiền thu từ hoạt động SXKD: **1.568 tỷ đồng**, giảm Nợ phải thu khách hàng đến 31/12/2017 còn: **370,0 tỷ đồng**.
- Dự nợ tín dụng: **420 tỷ đồng**, trong đó: Vốn lưu động: **280,0 tỷ đồng**; Vốn trung hạn đầu tư thiết bị: **140,0 tỷ đồng**. Chi phí tài chính (đã bù trừ với lãi tiền gửi) nhỏ hơn: **10 tỷ đồng**.
- Phối hợp với các bộ phận làm tốt công tác hồ sơ thanh toán, quyết toán, làm tốt công tác thu hồi công nợ, đặc biệt đối với các khoản công nợ kéo dài.
- Quản lý tốt dòng tiền, xây dựng kế hoạch dòng tiền trong ngắn hạn, dài hạn theo lĩnh vực, đánh giá thường xuyên công tác thu hồi nợ của từng bộ phận.
- Hoàn thiện nghiệp vụ cho đội ngũ kế toán, quán triệt thực hiện tính độc lập của đội ngũ kế toán để số liệu báo cáo quản trị phản ánh chính xác, minh bạch.
- Ký kết với các tổ chức tín dụng để đảm bảo hạn mức vốn lưu động, bảo lãnh cũng như tài trợ các dự án đầu tư kịp thời phục vụ sản xuất kinh doanh với chi phí thấp nhất.

7. Về công tác quản lý xe máy thiết bị: (Phụ lục số 7)

- Thường xuyên kiểm tra công tác bảo dưỡng, sửa chữa, đánh giá chất lượng hoạt động của từng xe máy thiết bị để đảm bảo khi công trình triển khai là có thể khai thác, sử dụng.
- Kiểm tra, xây dựng định mức và định mức lại nhiên liệu thường xuyên phù hợp với thực tế từng công trường.

- Bám sát nhu cầu sử dụng xe máy, thiết bị thực tế tại các công trường, phối hợp với Phòng QLDA để nâng cao hiệu suất hoạt động của thiết bị.
- Xây dựng kế hoạch đầu tư và thanh lý thiết bị cho năm 2017 và các năm tiếp theo bám sát định hướng phát triển của Công ty:
- Kế hoạch đầu tư máy móc thiết bị năm 2017: **104,60 tỷ đồng**, thanh lý năm 2017: **11,74 tỷ đồng**. Công ty sẽ lựa chọn từng thiết bị ở thời điểm hợp lý để đầu tư các dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công và sản xuất VLXD.

8. Về công tác nhân sự:

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp, tuyển dụng nhân sự phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh và định hướng phát triển trong năm 2017 và những năm tiếp theo.
- Thực hiện tốt công tác luân chuyển, bổ sung cán bộ từ phòng ban xuống công trường, trạm, xưởng và ngược lại nhằm giúp cán bộ có điều kiện trưởng thành qua thực tế, phát huy được năng lực, sở trường của bản thân.
- Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng giải quyết vấn đề cho cán bộ chủ chốt, đào tạo bồi dưỡng trình độ ngoại ngữ.
- Phát triển đội ngũ cán bộ kỹ thuật thi công các công trình có yêu cầu chuyên môn cao, nâng cao trình độ kỹ sư cơ giới để đảm bảo khai thác, sửa chữa có hiệu quả các thiết bị ngày càng hiện đại của Công ty.

9. Về công tác xã hội:

- Cùng các tổ chức, đoàn thể làm tốt công tác thi đua, khen thưởng; Triển khai đăng ký chi tiêu thi đua năm 2017 của từng tập thể, cá nhân trong toàn Công ty.
- Tổ chức các hoạt động thi đua nhân dịp lễ, làm tốt công tác chăm lo đời sống người lao động, tham gia làm tốt công tác xã hội.
- Trên đây là một số nét chính về tình hình hoạt động kinh doanh năm 2016, định hướng hoạt động năm 2017 của Công ty. Với sự tin tưởng của các cổ đông, sự định hướng đúng đắn của Hội đồng quản trị, sự điều hành sát sao của Ban Tổng giám đốc, sự cố gắng, nỗ lực của mọi thành viên trong Công ty, cùng sự hợp tác có hiệu quả của các đối tác, Công ty cổ phần VIMECO sẽ tiếp tục phát triển ổn định, bền vững, không ngừng nâng cao lợi ích của cổ đông.
- Đề nghị Đại hội đồng cổ đông với cương vị là người chủ, xem xét, góp ý với Ban điều hành Công ty về định hướng hoạt động của Công ty trong năm 2017. Thay mặt Ban Điều hành Công ty, tôi xin cảm ơn sự ủng hộ, tín nhiệm của toàn thể Cổ đông trong thời gian qua.
- Kính chúc toàn thể quý vị Cổ đông Công ty cổ phần VIMECO và quý vị Đại biểu sức khỏe hạnh phúc và thành công.

Trân trọng cảm ơn./.

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Học Trinh



VIMECO

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO
CÁC CHỈ TIÊU TỔNG HỢP SXKD NĂM 2016
VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2017**

Phụ lục 01

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đ/v tính	Kế hoạch năm 2016 (theo NQ ĐHCĐ)	Thực hiện năm 2016	% so với KH 2016	Kế hoạch năm 2017	% tăng trưởng
A	1	2	3	4	5	6	
I	GIÁ TRỊ SẢN XUẤT KINH DOANH	Tr. Đồng	1.408.000	1.700.006	120,74	1.700.000	(0,00)
1	Xây lắp	Tr. Đồng	550.000	795.245	144,59	729.000	(8,33)
2	Sản xuất công nghiệp, vật liệu xây dựng	Tr. Đồng	526.000	600.710	114,20	518.000	(13,77)
3	Kinh doanh bất động sản và hạ tầng	Tr. Đồng	300.000	272.440	90,81	420.000	54,16
4	Sản xuất, kinh doanh khác	Tr. Đồng	32.000	31.611	98,78	33.000	4,39
II	TỔNG DOANH THU	Tr. Đồng	1.050.000	1.426.377	135,85	2.031.000	42,39
1	Xây lắp	Tr. Đồng	504.000	772.037	153,18	680.000	(11,92)
2	Sản xuất công nghiệp, vật liệu xây dựng	Tr. Đồng	514.000	617.724	120,18	518.000	(16,14)
3	Kinh doanh bất động sản và hạ tầng	Tr. Đồng	-	-	-	800.000	
4	Sản xuất, kinh doanh khác	Tr. Đồng	32.000	36.616	114,43	33.000	(9,88)
III	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	Tr. Đồng	32.000	35.752	111,73	196.000	448,22
1	Xây lắp	Tr. Đồng	15.200	16.552	108,89	17.000	2,71
2	Sản xuất công nghiệp, vật liệu xây dựng	Tr. Đồng	11.800	13.700	116,10	13.500	(1,46)
3	Kinh doanh bất động sản và hạ tầng	Tr. Đồng	-	-	-	160.000	
4	Sản xuất, kinh doanh khác	Tr. Đồng	5.000	5.500	110,00	5.500	-
IV	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	Tr. Đồng	25.600	28.217	110,22	156.800	455,69
V	TỶ LỆ CỔ TỨC		15	15	100,00	40	166,67
VI	VỐN CHỦ SỞ HỮU (mã số 410 trên BCTC)	Tr. Đồng	218.803	230.000	105,12	305.000	32,61
	Trong đó: - Vốn điều lệ (mã số 411 trên BCTC)	Tr. Đồng	100.000	100.000	100,00	200.000	100,00
	- Giá trị vốn góp của Tổng công ty (mệnh Giá)	Tr. Đồng	51.409	51.409	100,00	51.409	-
	- Tỷ lệ góp vốn của Tổng công ty	%	51,409	51,409	100,00	51,409	-
VII	KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	Tr. Đồng	34.000	25.043	73,66	38.000	51,74
VIII	NỢP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	Tr. Đồng					
1	Số phải nộp	Tr. Đồng	35.000	80.685	230,53	45.000	(44,23)
	Chia ra: - Năm trước chuyển sang	Tr. Đồng		2.578		-	
	- Năm nay	Tr. Đồng		78.107		45.000	(42,39)
2	Số đã nộp	Tr. Đồng	35.000	74.617	213,19	45.000	(39,69)
	Chia ra: - Năm trước chuyển sang	Tr. Đồng		2.578		-	
	- Năm nay	Tr. Đồng		72.039		45.000	(37,53)
IX	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN	Tr. Đồng	118.411	88.023	74,34	179.825	104,29
1	Đầu tư thiết bị	Tr. Đồng	118.411	88.023	74,34	104.600	18,83
2	Đầu tư Mỏ đá Phú Minh	Tr. Đồng	-	-	-	75.225	
X	LAO ĐỘNG VÀ TIỀN LƯƠNG	Tr. Đồng					
1	Lao động sử dụng bình quân (cả thuê ngoài)	Người	1.100	1.200	109,09	1200	-
2	Lao động sử dụng bình quân (riêng Công ty)	Người	800	800	100,00	800	-
3	Thu nhập bình quân người/tháng	1000 đ	8,5	9,5	111,76	10,0	5,26
4	Tỷ lệ tiền lương/doanh thu	%	14,0	13,2	94,29	14,0	6,06
XI	THỦ LAO HĐQT, BKS	Tr. Đồng	372	322	86,56	372	15,53



VIMECO

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO
GIÁ TRỊ DOANH THU THỰC HIỆN NĂM 2016

Phụ lục số: 2

TT	Công trình	Kế hoạch Doanh thu năm 2016	Doanh thu năm 2016	Ghi chú
1	2		4	5
A	Dự án xây lắp	504.000.000.000	772.037.736.603	
I	Các công trình chuyển tiếp	377.300.000.000	538.104.627.965	
1	ADG (Móng và tầng hầm)	105.000.000.000	121.588.799.091	
2	Đà Nẵng Quảng Ngãi - Gói 6	110.000.000.000	92.639.724.508	
3	Lọc hóa dầu Nghi Sơn	70.000.000.000	140.641.196.105	
4	Tầng hầm Star AD1	6.000.000.000	20.253.857.273	
5	Bể nước Dương Nội		2.657.528.182	
6	97-99 Láng Hạ	30.700.000.000	48.161.811.563	
7	VINATA 2A Liên danh Taisei (cả TN)	6.400.000.000	582.990.000	
8	BOT Hà nội - Bắc Giang	40.000.000.000	30.351.176.541	
9	Đường Láng Hòa Lạc		1.841.026.122	
10	Thủy điện Ngòi Phát - Lào Cai	6.200.000.000	3.545.751.666	
11	15 Thành Công		988.158.620	
12	Nhà máy kính 3D Samsung Thái Nguyên C&T	3.000.000.000	3.150.000.000	
13	Dự án An Khánh		62.394.492.025	
14	Bảo tàng Hà nội		19.922.183	
15	Cầu Trần Thị Lý		881.450.909	
16	Đại học QG Tp Hồ Chí Minh		40.343.177	
17	Samsung Thái Nguyên GD3		4.197.900.000	
18	Samsung - Bắc Ninh 1		4.168.500.000	
II	Các công trình ký hợp đồng và triển khai thi công trong năm 2016	80.000.000.000	233.933.108.638	
1	ADG hạ tầng	20.000.000.000	(172.363.636)	
2	CT3 NAM THẮNG LONG		36.771.553.636	
3	Sam sung Thái Nguyên		41.515.800.000	
4	Sam sung Bắc Ninh		35.842.727.727	
5	536A Minh Khai cọc đại trà, đào đất		35.946.135.000	
6	536A Minh Khai móng, tầng hầm		8.039.492.131	
7	Khu công nghệ cao Hòa lạc	60.000.000.000	66.639.290.197	
8	Ecopark		8.147.611.818	
9	Cọc thí nghiệm Lương Yên		1.202.861.765	
III	Các công trình khác	46.700.000.000		
B	Sản xuất Vật liệu xây dựng:	514.000.000.000	617.724.523.125	
1	Sản xuất Bê tông	483.000.000.000	589.404.269.862	
2	Đá xây dựng	31.000.000.000	28.320.253.263	
C	Kinh doanh khác:	32.000.000.000	36.616.090.924	
	Tổng cộng A+B+C+D	1.050.000.000.000	1.426.378.350.652	



CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO
CÁC HỢP ĐỒNG CÔNG TY KÝ NĂM 2016

VIMECO

Phụ lục số: 3

TT	Công trình	Chủ Đầu Tư	Giá trị Hợp đồng	Ghi chú
I	Công trình Tổng VINACONEX giao		<u>204.129.915.850</u>	
1	Thi công phần việc xây lắp Gói thầu CP 1A Phát triển hạ tầng chính Khu CNC Hòa Lạc hợp đồng Số 14/HĐTP/VC-XD ngày 13/01/2016	Tổng công ty CP XNK và XD Việt Nam	204.129.915.850	Bao gồm thuế GTGT
II	Công trình do VIMECO tự tìm kiếm		<u>400.220.226.100</u>	
1	Thi công XD chung cư H< J, K - Cụm chung cư CT7 thuộc Khu đô thị mới Dương Nội Gói thầu Thi công bể nước ngầm cho 03 tòa H, J, K	Công ty CPĐT và PT Bất động sản thế kỷ	3.017.490.000	Bao gồm thuế GTGT
2	Thi công CKN đại trà Dự án Nhà ở chung cư kết hợp DV thương mại tại lô đất CT03A - CT, KĐT Nam Thăng Long GĐ3, Phường Phú Thượng, Q. Tây Hồ, TP HN	Công ty CPĐT và XD Sunrise Việt Nam	52.724.723.000	Bao gồm thuế GTGT
3	Phụ lục bổ sung giá trị phát sinh 16 cọc D1500+16 cọc D1000	Công ty CPĐT và XD Sunrise Việt Nam	6.484.881.000	Bao gồm thuế GTGT
4	Phụ lục bổ sung 12 cọc phát sinh+ phụ trợ+ ca máy phát điện + CL đơn giá măng xông	Công ty CPĐT và XD Sunrise Việt Nam	3.479.530.000	Bao gồm thuế GTGT
5	Hợp đồng thi công đào đất, cọc khoan nhồi Dự án ĐT XD khu văn phòng và nhà ở tại 536A Minh Khai, quận HBT, HN	Công ty Cp đầu tư phát triển nhà và đô thị VINACONEX	41.687.325.000	Bao gồm thuế GTGT
6	Phụ lục hợp đồng: Bổ sung toàn bộ hạng mục Móng cầu tháp nhà CT1, CT2	Công ty Cp đầu tư phát triển nhà và đô thị VINACONEX	1.006.991.000	Bao gồm thuế GTGT
7	Thi công phân ngầm, tầng hầm Dự án đầu tư XD khu văn phòng và nhà ở tại 536A Minh Khai	Công ty Cp đầu tư phát triển nhà và đô thị VINACONEX	26.171.746.000	Bao gồm thuế GTGT
8	Thi công hạ tầng Sam sung Bắc Ninh	Sam sung C&T	38.009.420.000	Bao gồm thuế GTGT
9	Phụ lục hợp đồng điều chỉnh giá	Sam sung C&T	41.209.424.100	Chưa bao gồm thuế GTGT
10	Thi công Hạ tầng Sam sung Thái nguyên -	Sam sung C&T	48.063.000.000	Bao gồm thuế GTGT
11	Phụ lục hợp đồng điều chỉnh giá	Sam sung C&T	10.984.560.000	Bao gồm thuế GTGT

12	Thi công cọc khoan nhồi thí nghiệm công trình Tổ hợp công trình số 3 Lương Yên	Công ty CP XD, đầu tư Bất động sản Việt Minh Hoàng	1.301.905.000	Bao gồm thuế GTGT
13	Thi công đài, giằng móng tháp B1 - Gói thầu 3B - Dự án Khu căn hộ Vịnh Thủy (Aqua Bay) - Khu đô thị thương mại và Du lịch Văn Giang (Ecopark)	Công ty CP đầu tư và phát triển đô thị Việt Hưng (Vihajico)	8.990.588.000	Bao gồm thuế GTGT
14	Phụ lục số 04 bổ sung khối lượng thi công đài giằng, móng tháp B2	Công ty CP đầu tư và phát triển đô thị Việt Hưng (Vihajico)	10.334.681.000	Bao gồm thuế GTGT
15	Thi công tuyến đường RD11, RD12 đến BTN hạt trung (ko bao gồm phạm vi nút giao đường RD11, RD12 với đường GTLT) Dự án Khu đô thị thương mại và du lịch Văn Giang huyện Văn Giang - Hưng Yên	Công ty CP đầu tư và phát triển đô thị Việt Hưng (Vihajico)	11.701.806.000	Bao gồm thuế GTGT
16	Thi công nút giao đường RD11, RD12 với Đường giao thông liên tỉnh Hà nội - Hưng Yên thuộc Dự án Đường giao thông liên tỉnh Hà Nội - Hưng Yên	Công ty CP đầu tư và phát triển đô thị Việt Hưng (Vihajico)	2.611.658.000	Bao gồm thuế GTGT
17	Thi công khoan cọc nhồi và tường vây Dự án Nhà ở chung cư kết hợp dịch vụ thương mại + nhà trẻ tại lô I.A.23 Khu đô thị Nam Thăng Long, Đông Ngạc và Xuân Đình, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội	Công ty Cổ phần tập đoàn Shunshine	91.056.248.000	Bao gồm thuế GTGT
18	Hợp đồng xây lắp số 09/2016/TĐ-VIMECO ngày 19/12/2016 về việc thi công CKN thí nghiệm Dự án Tòa nhà hỗn hợp văn phòng, dịch vụ thương mại, khách sạn và nhà ở địa điểm tại Ô đất D32, phố Dương Đình Nghệ, Cầu Giấy, HN	Công ty TNHH đầu tư XD và XNK Tây Đô	1.384.250.000	Bao gồm thuế GTGT
Tổng cộng (I+II)			604.350.141.950	



CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP, VẬT LIỆU XÂY DỰNG CHỦ YẾU NĂM 2017

VIMECO

Phụ lục số: 4

TT	Các sản phẩm chủ yếu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2016			Kế hoạch năm 2017			Ghi chú
			Khối lượng	Đơn giá bình quân	Thành tiền (đồng)	Khối lượng	Đơn giá bình quân	Thành tiền (đồng)	
I	2	3	4	5	6=4x5	7	8	9=7x8	10
I	Bê tông các loại	m ³	492.000		608.600.000.000	460.000		503.000.000.000	
1	Cấp nội bộ	m ³	32.000	1.112.500	35.600.000.000	20.000	1.000.000	20.000.000.000	Tính vào xây lắp
2	Cấp ngoài	m ³	460.000	1.245.652	573.000.000.000	440.000	1.097.727	483.000.000.000	
II	Đá các loại	m ³	395.000		57.500.000.000	360.000		57.000.000.000	
1	Cấp nội bộ	m ³	155.000	178.903	27.730.000.000	100.000	220.000	22.000.000.000	Tính vào bê tông
2	Cấp ngoài	m ³	240.000	124.042	29.770.000.000	260.000	134.615	35.000.000.000	

**THÔNG TIN MỘT SỐ CHỈ TIÊU THỰC HIỆN NĂM 2016
VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2017**

Phụ lục số: 5

Các chỉ tiêu chủ yếu	Đ/v tính	2016	2017	Ghi chú
1	2	3	4	5
I- HÀNG TỒN KHO	Tr. Đồng	788.060	468.024	
1. Giá trị hàng tồn kho Xây lắp	Tr. Đồng	162.924	130.278	
2. Giá trị hàng tồn kho bất động sản	Tr. Đồng	587.613	304.746	
3. Giá trị hàng tồn kho SXCN, VLXD	Tr. Đồng	37.523	33.000	
4. Giá trị hàng tồn kho khác	Tr. Đồng	-	-	
II- DƯ NỢ VAY	Tr. Đồng	411.861	420.000	
1. Vay ngân hàng và TCTD: - Ngắn hạn	Tr. Đồng	354.443	280.000	
- Dài hạn	Tr. Đồng	57.418	140.000	
II- SỐ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG	Tr. Đồng	452.836	290.000	
- Tiền gửi có kỳ hạn	Tr. Đồng	390.169	250.000	
- Tiền gửi không kỳ hạn	Tr. Đồng	62.667	40.000	
III- TỔNG NỢ PHẢI THU PHẢI TRẢ	Tr. Đồng			
1. Phải thu Khách hàng	Tr. Đồng	596.505	370.000	
2. Trả trước cho người bán	Tr. Đồng	69.083	30.000	
3. Phải trả Khách hàng	Tr. Đồng	448.879	295.000	
4. Người mua ứng trước	Tr. Đồng	103.484	85.000	
5. Phải trả người lao động	Tr. Đồng	20.497	21.000	

Tổng hợp giá trị SXKD dở dang
Thực hiện năm 2016 và ước năm 2017

Phụ lục số: 6

STT	Nội dung	Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ 2016	Chi phí SXKD dở dang cuối kỳ 2016	Dự kiến chi phí SXKD dở dang cuối kỳ 2017	Ghi chú
I	Xây lắp	150.475.186.671	162.924.000.000	130.237.719.881	
1	Thủy điện Ngòi Phát	-	-	5.000.000.000	GD 2
2	San nền Nam Trung Yên	2.073.581.461	2.073.581.461	2.073.581.461	
3	KĐT Bắc An Khánh	21.440.539.045	-	-	
4	Bảo tàng Hà Nội	7.070.497.527	7.050.575.344	7.050.575.344	
5	San nền nhiệt điện QN	1.397.272.727	1.397.272.727	1.397.272.727	
6	KTX ĐH quốc gia HCM	2.756.633.526	2.716.290.349	2.716.290.349	
7	536A Minh Khai-VINAHUD	485.231.251	15.678.819.305	-	
8	KĐT Trần Thị Lý	973.734.454	-	-	
9	Tháp MIAN Thành Công	894.138.840	2.318.115.303	-	
	GP Complex (Tràng An)	538.525.606	792.540.606	-	
11	Sam sung Bắc Ninh	3.922.449.253	16.355.901.060	10.000.000.000	
12	Sam sung Thái Nguyên	2.828.232.722	1.434.311.718	10.000.000.000	
13	Lọc hóa dầu Nghi Sơn	14.101.691.336	14.195.450.209	-	
14	Cao tốc Đà Nẵng- Quảng Ngãi	7.569.225.147	27.392.384.344	15.000.000.000	
15	Cọc nhồi AD Star 1	20.981.319.047	-	-	
16	CT3A- Nam Thăng Long		18.063.504.666	-	
17	BOT Hà Nội- Bắc Giang	32.352.743.543	12.891.589.068	-	
18	97-99 Láng Hạ	14.382.828.455	1.276.119.691	-	
19	Eco Park- Văn Giang		11.589.956.948	-	
20	Khu CNC Hòa lạc	566.211.777	4.825.598.180	10.000.000.000	
21	Đài móng tầng hầm ADG	15.929.807.960	-	-	
22	Hạ tầng ADG (Ao Mơ)	210.522.994	799.355.455		
23	Ciputra- Sunshine		20.051.397.745	-	
24	Dự án Constrexim		-	15.000.000.000	
25	Simco Xuân Đình		527.476.987	15.000.000.000	
26	Đông Đô Ciputra		56.771.964	15.000.000.000	
27	Các công trình khác		1.436.986.870	22.000.000.000	
II	Sản xuất VLXD	43.621.124.696	37.523.261.910	33.000.000.000	
1	Trạm đá Phú Mãn	2.383.667.813	6.581.894.743	3.500.000.000	
2	Trạm bê tông Phạm Văn Đồng		19.682.639.742	15.000.000.000	
3	Bê tông KV Hà Nội	3.510.867.500	-	8.500.000.000	
4	Trạm bê tông Nghi Sơn	11.618.042.460	6.073.833.218	-	
5	Trạm bê tông Vĩnh Tân	10.434.741.674	4.218.073.567	6.000.000.000	
6	Trạm bê tông Thái Bình	15.673.805.249	966.820.640	-	
III	Kinh doanh Bất động sản	285.244.712.893	587.613.315.854	306.362.881.418	
1	Dự án Nhà CT4	244.332.634.919	546.701.237.880	290.000.000.000	
2	Dự án Trung Hòa 2	7.361.318.818	7.361.318.818	7.361.318.818	
3	Dự án Cao Xanh- Hà Khánh	24.549.196.556	24.549.196.556	-	
4	Dự án Trụ sở Công ty	9.001.562.600	9.001.562.600	9.001.562.600	
	Tổng cộng:	479.341.024.260	788.060.577.764	469.600.601.299	

**BÁO CÁO DÒNG TIỀN THU VỀ
THỰC HIỆN NĂM 2016 VÀ DỰ KIẾN 2017**

Phụ lục số: 7

TT	Tên công trình	Kế hoạch thu 2016 (triệu đồng)	Thu về 2016 (triệu đồng)	Kế hoạch thu 2017 (triệu đồng)
I	Xây lắp:	568.550	666.712	648.630
A	Công trình đã thi công xong:	111.550	97.343	61.630
1	NM xi măng Bim Sơn	1.310	1.317	-
2	Thủy điện Srepok3	6.080	6.558	365
3	Thủy điện Buôn Kuốp	9.500	9.440	-
4	DA Hồ chứa nước Cửa Đạt	4.000	-	4.000
5	Thủy điện Buôn Tua Srah	9.500	9.533	-
6	Bảo tàng Hà Nội	10.000	13.377	-
/	Dự án Khu đô thị An Khánh	30.000	7.395	30.000
8	Dự án KTX ĐH quốc gia HCM	2.500	500	2.500
9	Dự án Láng- Hoà Lạc	10.000	21.508	10.000
10	Trụ sở TC Hải quan	3.000	2.186	1.031
11	San nền Nam Trung Yên	2.000	-	2.000
12	Dự án ở nhà HV quốc phòng	3.990	3.272	717
13	Toà nhà Nam Đô (609 Trương Định)	170	-	170
14	DA Minh Giang- Đàm Và	550	550	-
15	Nhà ga tuyến Nhôn- ga Hà Nội	550	550	-
16	DA Văn phòng và KS- 15 Thành Công	1.500	1.086	2.500
17	GP Complex-(NM bánh kẹo Tráng An)	5.000	2.000	3.717
18	Thủy điện Ngòi Phát	10.000	16.159	1.330
19	Đường cao tốc Cầu Giẽ- Ninh Bình	1.900	1.912	3.300
B	Công trình đang thi công:	457.000	569.369	387.000
20	Samsung- Bắc Ninh	30.000	38.426	30.000
21	Samsung- Thái Nguyên (hạ tầng)	23.000	48.596	30.000
22	Lọc hóa dầu Nghi Sơn	60.000	126.085	30.000
23	Đà Nẵng- Quảng Ngãi	80.000	81.273	55.000
24	BOT Hà Nội- Bắc Giang	20.000	14.128	10.000
25	Dự án 97-99 Láng Hạ	40.000	45.009	2.000
26	Vinata Building (2 Hợp đồng)	6.000	9.817	-
27	DA Sao ánh Dương (AD Star)	100.000	66.685	120.000
28	Khu CNC Hòa lạc	60.000	73.236	70.000
29	Hạ tầng AD Garden (Ao Mơ)	15.000	-	-
30	Cọc nhồi Đào Duy Anh	23.000	5.869	-
31	Dự án 536 Minh Khai- VINAHUD		39.721	20.000
32	Bể nước Khu đô thị Dương Nội		2.923	-
33	Hạ tầng Khu đô thị Ecopark		12.110	20.000

34	Các dự án nhỏ lẻ khác	1.000	5.491	2.000
C	Công trình dự kiến mới năm 2017:	-	-	200.000
35	Dự án Ngòi Phát mở rộng			20.000
36	Dự án Simco Xuân Đình			30.000
37	Dự án Chung cư Giảng Võ			30.000
38	Đông Đô Ciputra			20.000
39	Các CT mới khác			100.000
II	Sản xuất bê tông thương phẩm:	500.000	506.652	510.000
40	Bê tông cung cấp bán ngoài	500.000	506.652	510.000
III	Sản xuất đá công nghiệp:	32.000	32.667	30.000
41	Sản xuất đá Đồng Vỡ- bán ngoài	32.000	32.667	30.000
44	Kinh doanh bất động sản:	750.000	813.643	350.000
42	DA Trung Hoà 2 (Đợt 5)	750.000	813.643	350.000
V	Các hoạt động SXKD khác	27.900	51.526	30.000
43	Dịch vụ Trung Hòa 1	4.500	5.500	5.500
44	Dịch vụ Trung Hòa 2	15.000	15.300	15.500
45	Trường mầm non VIMECO	8.400	9.000	9.000
46	Thu khác		21.726	
	Cộng(I+II+III+IV+V):	1.878.450	2.071.200	1.568.630



VIMECO

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO
GIÁ TRỊ SXKD DỰ KIẾN THỰC HIỆN NĂM 2017

Phụ lục số: 8

TT	Công trình	Dự kiến kế hoạch sản lượng năm 2017	Dự kiến kế hoạch doanh thu năm 2017	Ghi chú
1	2	3	4	5
A	Dự án xây lắp	729.056.248.000	680.047.810.800	
I	Các công trình đã thi công	-	29.000.000.000	
1	97-99 Láng Hạ		2.000.000.000	
2	BOT Hà nội - Bắc Giang		10.000.000.000	
3	Đường Láng Hòa Lạc		10.000.000.000	
4	Bảo tàng Hà nội		7.000.000.000	
II	Các công trình chuyển tiếp	283.056.248.000	295.447.810.800	
1	Đà Nẵng Quảng Ngãi - Gói 6	73.000.000.000	62.050.000.000	
2	Lọc hóa dầu Nghi Sơn		30.000.000.000	
3	CT3 Nam Thăng Long		19.000.000.000	
4	Samsung Bắc Ninh		2.000.000.000	
5	536A Minh Khai cọc đại trà, đào đất		8.000.000.000	
6	536A Minh Khai móng, tầng hầm		2.000.000.000	
7	Công nghệ cao Hòa Lạc	90.000.000.000	76.500.000.000	
8	Cọc khoan nhồi tường vây Ciputra	91.056.248.000	77.397.810.800	
9	Ecopark	29.000.000.000	18.500.000.000	
II	Các công trình dự kiến triển khai năm 2017	446.000.000.000	355.600.000.000	
1	Simco Xuân Đình	50.000.000.000	40.000.000.000	
2	Contrexim Dương Đình Nghệ (CKN, TV, móng tầng hầm)	120.000.000.000	91.600.000.000	
3	Cọc nhồi, tường vây 2T Phạm Văn Đồng- GP Invest	40.000.000.000	32.000.000.000	
4	Chung cư Đông Đô Ciputra	30.000.000.000	24.000.000.000	
5	Dự án thủy điện Ngòi Phát mở rộng - Lào Cai	30.000.000.000	24.000.000.000	
6	Sam sung Bắc Ninh còn lại	30.000.000.000	26.000.000.000	
7	Hạ tầng Samsung Thái Nguyên, Bắc Ninh	30.000.000.000	26.000.000.000	
8	Các công trình giao thông và hạ tầng khác	116.000.000.000	92.000.000.000	
B	Sản xuất Vật liệu xây dựng:	518.000.000.000	518.000.000.000	
1	Sản xuất Bê tông	483.000.000.000	483.000.000.000	
2	Đá xây dựng	35.000.000.000	35.000.000.000	
C	Kinh doanh bất động sản và hạ tầng	420.000.000.000	800.000.000.000	
D	Kinh doanh khác:	33.000.000.000	33.000.000.000	
	Tổng cộng A+B+C+D	1.700.056.248.000	2.031.047.810.800	



CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO
DANH MỤC ĐẦU TƯ, THANH LÝ XE MÁY THIẾT BỊ NĂM 2016

VIMECO

I THANH LÝ XMTB

Phụ lục 9

TT	Tên thiết bị	Đ/v tính	Số lượng	Tổng giá trị thanh lý dự kiến (đồng)	Ghi chú
1	ô tô con 7 chỗ Mitsubishi	Chiếc	1	175.000.000	
2	ô tô con 5 chỗ Ford escape	Chiếc	1	150.000.000	
3	Rơ mooc loại Somi	Chiếc	1	40.000.000	
4	Máy đào xích Kato	Chiếc	1	331.000.000	
5	Máy đào bánh xích Kobelco	Chiếc	1	432.000.000	
6	Máy rải Dynapac	Chiếc	1	137.000.000	
	ô tô con 7 chỗ Uoat	Chiếc	1	24.000.000	
8	ô tô tải 850Kg Uoat	Chiếc	1	26.000.000	
9	Máy đào xích HITACHI	Chiếc	1	485.100.000	
10	Máy đào xích Kobelco	Chiếc	1	485.200.000	
11	Máy đào xích Kobelco	Chiếc	1	435.200.000	
12	Rơ mooc loại tafooc	Chiếc	1	71.000.000	
13	Xe VCBT 29H 3832	Chiếc	1	145.000.000	
14	Xe VCBT 29H 3839	Chiếc	1	135.000.000	
15	Xe VCBT 29H 3831	Chiếc	1	130.000.000	
	Xe VCBT 29H 3837	Chiếc	1	130.000.000	
17	Xe VCBT 29U 8985	Chiếc	1	150.000.000	
18	Xe VCBT 29U 9275	Chiếc	1	130.000.000	
19	Xe VCBT 29V 0455	Chiếc	1	130.000.000	
20	29V 0470	Chiếc	1	130.000.000	
21	Xe VCBT 29V 5728	Chiếc	1	130.000.000	
22	Xe VBT 29V 0474	Chiếc	1	130.000.000	
23	Máy khoan Rock D3	Chiếc	1	750.000.000	
24	Lô sắt thép phế liệu	Lô	1	69.420.000	
	Tổng cộng			<u>4.950.920.000</u>	



CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ, THANH LÝ XE MÁY THIẾT BỊ NĂM 2017

VIMECO

I THANH LÝ XMTB

Phụ lục 10

TT	Tên thiết bị	Đ/v tính	Số lượng	Tổng giá trị thanh lý dự kiến (vnd)	Ghi chú
1	Xe ô tô 16 chỗ 29U-6779	Chiếc	1	133.100.000	
2	Xe ô tô con Mitsubishi 29T-5879	chiếc	1	200.000.000	
3	Xe vận chuyển bê tông Daewoo 29V-3700; 29V-3704; 29V-3705; 29C-18800	chiếc	4	1.200.000.000	
4	Xe təc n-ước Hyundai (không đăng ký)	chiếc	1	50.000.000	
5	Xe ô tô tự đổ Hyundai 15T	chiếc	5	1.000.000.000	
6	Xe ô tô Pickup 54V-8144	chiếc	1	40.000.000	
7	Máy cầu lốp Maz 29K-5007	chiếc	1	150.000.000	
8	Máy đào xích Hitachi EX270	chiếc	1	250.000.000	
9	Máy đào xích Solar290	chiếc	1	250.000.000	
10	Máy xúc lật Komatsu WA300	chiếc	1	200.000.000	
	Máy ủi Komatsu D60P-6	chiếc	1	150.000.000	
12	Máy lu tĩnh Hamm DV822	chiếc	1	60.000.000	
13	Máy san CAT 14G	chiếc	1	100.000.000	
14	Máy khoan Hitachi KH125-3	chiếc	1	1.000.000.000	
15	Máy khoan Bauer BG22	chiếc	1	800.000.000	
16	Máy khoan hầm Tamrock, Bommer	chiếc	2	2.000.000.000	
17	Máy khoan đá Rock D7	chiếc	1	800.000.000	
18	Máy cầu xích Nippon Sharyo DH408+giàn đóng cọc	bộ	1	1.000.000.000	
19	Máy bơm bê tông tĩnh	chiếc	2	300.000.000	
20	Máy phun vẩy Normet	chiếc	1	800.000.000	
21	Máy phát điện Nes210; Wilson 400	chiếc	2	300.000.000	
22	Máy nén khí Keaser	chiếc	1	100.000.000	
23	Trạm trộn bê tông BPAC 90m ³ /h	trạm	1	800.000.000	
24	Búa rung cừ 45kw; 60Kw	chiếc	2	60.000.000	
	Tổng cộng			<u>11.743.100.000</u>	

ĐẦU TƯ XE MÁY THIẾT BỊ

TT	Tên thiết bị	Đ/v tính	Số lượng	Nguyên giá đầu tư dự kiến (vnd)	Ghi chú
1	Máy xúc lật, gầu 3,2-4 m ³ /gầu	chiếc	1	4.500.000.000	Mới 100%
2	Xe vận chuyển bê tông, công suất ≤12m ³ /thùng	chiếc	5	10.500.000.000	Mới 100%
3	Xe ô tô con 4-7 chỗ	chiếc	1	1.500.000.000	Mới 100%
4	Xe vận chuyển bê tông, công suất ≤12m ³ /thùng	chiếc	5	10.500.000.000	Mới 100%
5	Xe tải ben 15 tấn	chiếc	5	10.000.000.000	Mới 100%
6	Xe tải cầu 5,5,5 tấn	chiếc	1	4.000.000.000	Mới 100%
7	Máy đào xích dung tích, 0,8-1,4 m ³ /gầu	chiếc	2	7.200.000.000	Mới 100%
8	Cầu bánh lốp 20-25 tấn	chiếc	1	7.000.000.000	Mới 100%
9	Máy ủi, công suất <130 Hp	chiếc	1	4.000.000.000	Mới 100%
10	Máy lu rung, lực rung 25-30 tấn	chiếc	2	3.400.000.000	Mới 100%
11	Máy cạp tường vẩy, bề rộng tường 600-1200, chiều sâu tối đa 60m	chiếc	1	25.000.000.000	Mới 100%
12	Máy cầu xích tải trọng 55-60 tấn	chiếc	1	13.000.000.000	Mới 100%
13	Máy phát điện 200-400KVA	chiếc	2	4.000.000.000	Mới 100%
	Tổng			<u>104.600.000.000</u>	

**VIMECO**

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ
DỰ ÁN KHAI THÁC - CHẾ BIẾN ĐÁ XÂY DỰNG
TẠI PHÚ MINH - KỲ SƠN - HÒA BÌNH**

Phụ lục 11

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	PHƯƠNG ÁN 1: (phương án đề nghị lựa chọn)	Tr. Đồng			75.225
I	CHI PHÍ GPMB	Tr. Đồng			15.000
II	CHI PHÍ XÂY DỰNG HẠ TẦNG NHÀ XƯỞNG KHU CHẾ BIẾN	Tr. Đồng			5.000
III	NÂNG CẤP MỞ RỘNG 3KM ĐƯỜNG CẤP PHỐI ĐÁ DẪM	Tr. Đồng			6.000
IV	ĐẦU TƯ MÁY MÓC THIẾT BỊ	Tr. Đồng			49.225
1	<i>Trạm nghiền sàng (sử dụng 1 dây chuyền hiện có và đầu tư 01 dây chuyền mới)</i>				26.250
1,1	Dây chuyền hiện có	Tr. Đồng	1	8.400	8.400
1,2	Dây chuyền mới	Tr. Đồng	1	17.850	17.850
2	<i>Thiết bị khai thác và phụ trợ (sử dụng toàn bộ thiết bị hiện có hoặc đã qua sử dụng, giá dự kiến)</i>				22.975
2,1	Máy khoan tự hành 76-100 mm	Cái	2	3.000	6.000
2,2	máy đào bánh lốp 1,6-1,8m3	Cái	2	3.500	7.000
2,3	Máy xúc lật 2,8-3,0 m3	Cái	2	1.250	2.500
2,4	Máy ủi 220 CV	Cái	1	500	500
2,5	Ô tô tự đổ huyndai	Cái	9	500	4.500
2,6	Ô tô chở nước tưới đường 5m3	Cái	1	300	300
2,7	Ô tô con	Cái	1	600	600
2,8	Máy biến áp 1000 KVA	Cái	2	788	1.575
B	PHƯƠNG ÁN 2				122.980
I	CHI PHÍ GPMB	Tr. Đồng			15.000
II	CHI PHÍ XÂY DỰNG HẠ TẦNG NHÀ XƯỞNG KHU CHẾ BIẾN	Tr. Đồng			5.000
III	NÂNG CẤP MỞ RỘNG 3KM ĐƯỜNG CẤP PHỐI ĐÁ DẪM	Tr. Đồng			6.000
IV	ĐẦU TƯ MÁY MÓC THIẾT BỊ	Tr. Đồng			96.980
1	<i>Trạm nghiền sàng (sử dụng 1 dây chuyền hiện có và đầu tư 01 dây chuyền mới)</i>				26.250
1,1	Dây chuyền hiện có	Tr. Đồng	1	8.400	8.400
1,2	Dây chuyền mới	Tr. Đồng	1	17.850	17.850
2	<i>Thiết bị khai thác và phụ trợ (sử dụng toàn bộ mua mới)</i>				70.730
2,1	Máy khoan tự hành 76-152 mm	Cái	2	6.600	13.200
2,2	máy đào bánh lốp 1,6-1,8m3	Cái	2	8.250	16.500
2,3	Máy xúc lật 2,8-3,0 m3	Cái	2	5.500	11.000
2,4	Máy ủi 220 CV	Cái	1	7.150	7.150
2,5	Ô tô tự đổ huyndai	Cái	9	2.200	19.800
2,6	Ô tô chở nước tưới đường 5m3	Cái	1	550	550
2,7	Ô tô con	Cái	1	880	880
2,8	Máy biến áp 1000 KVA	Cái	2	825	1.650